

TÌNH HÌNH THAM GIA CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ TRONG LĨNH VỰC TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ THƯƠNG MẠI, DÂN SỰ

1. Các hiệp định tương trợ tư pháp song phương về dân sự thương mại

Trước thời điểm Luật tương trợ tư pháp năm 2007 có hiệu lực việc tham gia điều ước quốc tế trong lĩnh vực tương trợ pháp về dân sự, thương mại còn chưa nhiều. Sau thời điểm luật tương trợ tư pháp năm 2007 có hiệu lực, tình hình ký kết hiệp định tương trợ về tư pháp dân sự, thương mại có sự thay đổi đáng kể so với giai đoạn trước đó cả về số lượng, nội dung và phạm vi điều chỉnh trong hiệp định.

Tính đến này 31-12-2014, Việt Nam đã đàm phán và ký kết được tổng cộng 17 hiệp định và 0 thỏa thuận trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về dân sự, thương mại với các quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong đó, có 02 hiệp định đã hết hiệu lực thi hành¹, 01 hiệp định chưa có hiệu lực pháp luật. Chi tiết các hiệp định đã ký thông qua bảng sau:

| STT | Tên hiệp định | Ngày ký | Ngày có hiệu lực | Tình trạng |
|-----|---|------------|------------------|------------------|
| 1 | Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hunggari | 08-01-1985 | 05-07-1987 | Đang có hiệu lực |
| 2 | Hiệp định tương trợ tư pháp về vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ba Lan | 22-03-1993 | 18-01-1995 | Đang có hiệu lực |
| 3 | Hiệp định tương trợ tư pháp về vấn đề dân sự và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Tiệp Khắc(Séc và Xlovakia kế thừa) | 12-10-1982 | 16-04-1994 | Đang có hiệu lực |
| 4 | Hiệp định tương trợ tư pháp về vấn đề dân sự, gia đình, lao động và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và CuBa | 30-11-1984 | 19-09-1987 | Đang có hiệu lực |

¹ .Hiệp định tương trợ tư pháp về vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ Đức ký ngày 15-12-1980, hết hiệu lực ngày 16-04-1994; Hiệp định tương trợ tư pháp về vấn đề dân sự và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết ký ngày 10-12-1981(Hiệp định hết hiệu lực vào năm 2010).

| | | | | |
|----|--|---------------------------------------|---|------------------|
| 5 | Hiệp định tương trợ tư pháp về vấn đề dân sự và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bungari | 30-10-1986 | Việt Nam phê chuẩn ngày 16-02-1987 bởi nghị quyết số 784 NQ/HĐNN7 của Hội đồng Nhà nước | Đang có hiệu lực |
| 6 | Hiệp định tương trợ tư pháp về vấn đề dân sự và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào | 06-07-1998 | 19-03-2000 | Đang có hiệu lực |
| 7 | Hiệp định tương trợ tư pháp về vấn đề dân sự và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga <i>Nghị định thư bổ xung Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự với Liên bang Nga (Nghị định thư bổ xung chỉ quy định một điểm trong khoản 1, điều 63 phần về hình sự)</i> | 25-08-1998 23-04-2003 ² | 27-08-2012 27-7-2012 ³ | Đang có hiệu lực |
| 8 | Hiệp định tương trợ tư pháp về vấn đề dân sự và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ucraina | 06-4-2000 | 19-8-2002 | Đang có hiệu lực |
| 9 | Hiệp định tương trợ tư pháp về vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Mông Cổ | 17-04-2000 | 13-6-2002 | Đang có hiệu lực |
| 10 | Hiệp định tương trợ tư pháp về vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Belarut | 14-9-2000 | 18-10-2001 | Đang có hiệu lực |
| 11 | Hiệp định tương trợ tư pháp về | 04-05-2002 | 24-2-2004 | Đang có |

² Ngày ký của Nghị định thư bổ xung Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự giữa Việt Nam với Liên bang Nga.

³ Ngày có hiệu lực Nghị định thư bổ xung Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự với Liên bang Nga.

| | | | | |
|----|--|------------|------------|------------------|
| | giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên | | | hiệu lực |
| 12 | Hiệp định tương trợ tư pháp về vấn đề dân sự và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa | 19-10-1998 | 25-12-1999 | Đang có hiệu lực |
| 13 | Hiệp định tương trợ tư pháp về vấn đề dân sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Pháp | 24-02-1999 | 05-01-2001 | Đang có hiệu lực |
| 14 | Thỏa thuận tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự và thương mại giữa văn phòng văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc và văn phòng văn hóa Đài Bắc tại Việt Nam | 12-4-2010 | 2-12-2011 | Đang có hiệu lực |
| 15 | Hiệp định tương trợ tư pháp về vấn đề dân sự và thương mại giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Nhân dân Angieri | 14-4-2010 | 24-6-2012 | Đang có hiệu lực |
| 16 | Hiệp định tương trợ tư pháp về vấn đề dân sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Campuchia | 03-01-2013 | 09-10-2014 | Đang có hiệu lực |
| 17 | Hiệp định tương trợ tư pháp về vấn đề dân sự và thương mại giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Cadacxtan | 31-10-2011 | | Chưa có hiệu lực |

Tổng số hiệp định đã ký: 17 hiệp định thỏa thuận, trong đó có 1 hiệp định chưa có hiệu lực.

Ngoài các hiệp định trên đây, hiện nay Việt Nam đang đàm phán các hiệp định tư pháp về dân sự và thương mại với Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ailen; Đại Hàn Dân quốc, đang chuẩn bị thủ tục đàm phán với Ôxtraylia, Ấn Độ, đàm phán thay thế hiệp định với Hunggari và Cộng hòa Séc.

Một điểm dễ nhận thấy của các hiệp định tương trợ tư pháp song phương được ký kết năm 2007 điều chỉnh nhiều lĩnh vực về tương trợ tư pháp (trừ hiệp định ký với Cộng hòa Pháp). Đặc biệt, có hiệp định gồm cả bốn lĩnh vực của tương trợ tư pháp là tương trợ tư pháp về dân sự và thương mại, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù. Sau khi luật tương trợ tư pháp năm 2007 được ban hành, với quy định mỗi lĩnh vực của tương trợ tư pháp do một bộ/ ngành đảm nhiệm từ đề xuất, đàm phán đến ký kết và thực hiện tương trợ tư pháp nên các hiệp định được ký sau giai đoạn này không còn lồng ghép các lĩnh vực của tương trợ tư pháp như trước đây nữa.

Một đặc điểm nữa là các nội dung về dân sự, thương mại trong một số hiệp định tương trợ tư pháp mà Việt Nam và nước ngoài đã ký từ những năm 80 của thế kỷ XX gồm quy định về dân sự cũng rộng hơn so với các hiệp định được ký kết gần đây, tức là gần với khái niệm dân sự, tố tụng dân sự theo nghĩa rộng. Trong khi các hiệp định ký mới của Việt Nam⁴ cũng như Luật tương trợ tư pháp năm 2007 chỉ quy định những vấn đề mang tính nguyên tắc, trình tự, thủ tục như: phạm vi, cách thức, liên hệ, ngôn ngữ, chi phí, miễn phí hợp pháp hóa, điều kiện từ chối tương trợ v.v... thì phần về dân sự của các hiệp định trước đây⁵ ngoài quy định chung còn chứa cả các quy định về chọn luật áp dụng về kết hôn, ly hôn, quan hệ pháp lý về thân nhân và tài sản giữa vợ và chồng, về nuôi con nuôi, giám hộ, về hợp đồng và trách nhiệm do gây thiệt hại v.v..

Về tương trợ tư pháp về dân sự, thương mại có hẹp hơn so với quy định của pháp luật Việt Nam. Trong một số hiệp định, phạm vi hoạt động tương trợ tư pháp chỉ là: *“các cơ quan tư pháp tương trợ nhau trong việc thực hiện các hành vi tố tụng, nhất là trong việc lấy lời khai của người làm chứng, của đương sự, của bị can hoặc của người khác, trong việc tiến hành giám định, trong việc lập chuyển và tổng đạt giấy tờ”*⁶. Ngoài ra, thực tế thì hoạt động tương trợ tư pháp còn bao gồm hỗ trợ về công nhận và thi hành bản án của Tòa án, quyết định của trọng tài nước ngoài⁷; trao đổi thông tin về pháp luật và gửi cho nhau

⁴ Hiệp định ký kết với Campuchia

⁵ Các hiệp định Việt Nam ký với các nước sau: Tiệp Khắc, CuBa, Bungari

⁶ Điều 2 Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về dân sự và hình sự với Tiệp Khắc, Điều 5 Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình, lao động và hình sự với Cuba, Điều 4 Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự với Hunggari

⁷ Về nội dung này, để góp phần thực hiện một cách triệt để, có kết quả và góp phần làm cho việc hợp tác giữa cơ quan tư pháp của các nước trở lên ý nghĩa hơn, đáp ứng được quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong nước cũng như yêu cầu thực tế của các công dân và pháp nhân hơn; đồng thời do nội dung này đã có tiền lệ được

các quyết định về hộ tịch nhưng lại không gom lại trong điều về phạm vi tương trợ. Về phạm vi tương trợ tư pháp theo các hiệp định ký kết gần đây⁸ có quy định rộng hơn, trong đó đưa bốn nội dung tương trợ tư pháp của Luật tương trợ tư pháp năm 2007 là: (1) tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến tương trợ tư pháp về dân sự, thương mại; (2) triệu tập người làm chứng, người giám định; (3) thu nhập, cung cấp chứng cứ; (4) các yêu cầu tương trợ tư pháp khác về dân sự, thương mại. Điều khoản về phạm vi tương trợ còn gồm cả nội dung về công nhận cho thi hành bản án, quyết định của tòa án nước ngoài và quyết định của trọng tài nước ngoài/thông tin pháp luật và gửi cho nhau các quyết định về hộ tịch.

2. Tham gia các điều ước quốc tế đa phương về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại:

Thực hiện chủ trương của Đảng về hội nhập quốc tế, Việt Nam đang đẩy mạnh gia nhập điều ước quốc tế đa phương về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại. Hiện tại, Việt Nam đã là thành viên Công ước Niu – Osooc năm 1958 về công nhận và cho thi hành của trọng tài nước ngoài (Công ước này có thể coi là công ước về tương trợ tư pháp, nếu quan niệm tương trợ tư pháp theo nghĩa rộng). Đến tháng 10-20012, Việt Nam tiếp tục trở thành thành viên của Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế và hiện nay đang trong quá trình nghiên cứu để có thể gia nhập một số công ước của Hội nghị này, trong đó có các công ước về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại.

Cơ sở pháp lý, thủ tục ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế đa phương về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại được quy định tại Hiến pháp năm 2013, Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005 với các nguyên tắc chung như hiệp định song phương về tương trợ tư pháp (đã được trình bày ở chương này).

Tuy nhiên, đối với việc gia nhập điều ước quốc tế đa phương nói chung và điều ước quốc tế đa phương về tương trợ tư pháp nói riêng, Luật ký kết, gia

quy định tại tất cả các hiệp định tương trợ tư pháp mà Việt Nam đã ký với các nước khác trước đây, cho nên trong quá trình đàm phán gần đây, phía Việt Nam đã cố gắng đề nghị bổ sung thêm phần quy định này vào các dự thảo hiệp định tương trợ tư pháp mà dù phía đối tác chưa thực sự sẵn sàng và phạm vi của Luật tương trợ tư pháp năm 2007 không quy định nội dung công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của tòa án, quyết định của Trọng tài nước ngoài.

⁸ Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự và thương mại với Angieri, Thỏa thuận tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự và thương mại với lãnh thổ Đài Loan (Trung Quốc), Hiệp định tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự với Vương quốc Campuchia và Hiệp định tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự và thương mại với Cadacxtan.

nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 205 có thêm Chương III và Chương IV điều chỉnh một số vấn đề mang tính đặc trưng cho loại điều ước quốc tế này

a) Về trách nhiệm đề xuất gia nhập điều ước quốc tế đa phương về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại:

Tương tự như Hiệp định song phương về tương trợ tư pháp, theo Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005 và luật tương trợ tư pháp năm 2007, về đề xuất gia nhập điều ước quốc tế đa phương về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại thuộc trách nhiệm của Bộ tư pháp. Bộ tư pháp theo quy định của pháp luật và yêu cầu hợp tác quốc tế trong lĩnh vực pháp luật, tư pháp, đã chủ động đề xuất với Chính phủ về việc gia nhập điều ước quốc tế đa phương về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự và thương mại (Điều 49 luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005).

b) Thẩm quyền quyết định gia nhập điều ước quốc tế đa phương về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại:

Liên quan đến thẩm quyền quyết định gia nhập điều ước quốc tế đa phương, hiện tại Hiến pháp năm 2013 và Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005 có sự mâu thuẫn nhau.

Khoản 14 Điều 70 Hiến pháp năm 2003 quy định Quốc hội quyết định việc gia nhập điều ước quốc tế đa phương, điều ước quốc tế liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia, tư cách thành viên của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại các tổ chức quốc tế và các khu vực quan trọng, điều ước quốc tế quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công nhân và điều ước quốc tế khác với luật, nghị quyết của Quốc hội theo đề nghị của Chủ tịch nước. Như vậy Quốc hội theo quyết định gia nhập điều ước quốc tế đa phương về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại. Nhưng, theo quy định tại điều 50 luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, chủ tịch nước quyết định gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên nhân danh Nhà nước.

Theo thứ tự giá trị hiệu lực pháp lý của văn bản pháp luật, thì khoản 14 điều 70 Hiến pháp năm 2013 sẽ được áp dụng trong việc xác định thẩm quyền quyết định gia nhập điều ước quốc tế đa phương về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại. Do đó, Quốc hội là cơ quan quyết định gia nhập điều ước quốc tế thuộc loại này.

c) Trình tự, thủ tục trình, quyết định gia nhập điều ước quốc tế đa phương về tương trợ tư pháp

Theo khoản 6 điều 88 Hiến pháp năm 2003 thì: Chủ tịch nước trình quốc hội phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế đa phương về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại, nhưng bên cạnh đó, theo Điều 51 Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, Bộ Tư Pháp lại là cơ quan đề xuất trình Chính phủ để Chính phủ quyết định trình Chủ tịch nước về việc gia nhập điều ước quốc tế đa phương về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại. Ở đây có sự khác nhau về trình tự, thủ tục trình, quyết định gia nhập điều ước quốc tế đa phương về tương trợ tư pháp theo Hiến pháp năm 2003 và Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005. Theo nguyên tắc pháp luật thì hiện tại cần tuân thủ trình tự, thủ tục trình, quyết định gia nhập điều ước quốc tế đa phương về tương trợ tư pháp theo Hiến pháp năm 2013. Tuy vậy, cho đến nay quy định này của Hiến pháp năm 2013 vẫn chưa được cụ thể hóa trong luật và các văn bản dưới luật.

d) Lưu chiếu và bảo lưu điều ước quốc tế đa phương về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại:

Theo quy định Điều 53 Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005 Bộ Ngoại giao cho cơ quan lưu chiếu điều ước quốc tế đa phương về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại về gia nhập điều ước quốc tế đó của Việt Nam trong thời hạn mười năm ngày, kể từ ngày Chủ tịch nước ký lệnh công bố nghị quyết của quốc hội về việc gia nhập điều ước quốc tế. Đồng thời, Điều 55 Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005 quy định cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định ký, phê chuẩn, phê duyệt hoặc gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên có quyền quyết định việc bảo lưu điều ước quốc tế. Như vậy, Quốc hội có thẩm quyền quyết định những nội dung quan trọng điều ước quốc tế đa phương về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại.

3. Một số công ước của Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế đa phương về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại:

Theo kế hoạch triển khai thực hiện quyền và nghĩa vụ thành viên Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế của Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1440/QĐ-TTg ngày 16-8-2013 của Thủ Tướng Chính phủ, Việt Nam cần nghiên

cứu để có thể gia nhập một số công ước của hội nghị này, trong đó có các công ước về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại. Các công ước này gồm:

a) Công ước La Hay về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp liên quan đến dân sự, thương mại năm 1965:

Công ước La Hay về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp liên quan đến dân sự, thương mại được hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế thông qua ngày 15-11-1965 có hiệu lực từ 10-11-1969. Hiện nay, Công ước đã thu hút được 68 quốc gia từ các nền kinh tế phát triển và đang phát triển cũng như từ các nước có truyền thống pháp luật khác nhau (các quốc gia Châu Âu, Châu Á và Châu Mỹ). Công ước này cho phép chuyển (tổng đạt) các văn bản pháp lý (giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp) từ một quốc gia ký kết này sang quốc gia ký kết khác mà không cần sử dụng kênh ngoại giao hay lãnh sự (Ví dụ: giấy tờ tư pháp như giấy triệu tập, lời khai của đương sự, bản án hoặc quyết định của thành viên cơ quan tài phán và giấy tờ ngoài tư pháp như yêu cầu đòi tiền hay hợp đồng lao động). Công ước thiết lập phương tiện đơn giản hơn cho các quốc gia ký kết để thực hiện việc tổng đạt giấy tờ nêu trên tại lãnh thổ quốc gia ký kết khác. Theo nguyên tắc, mỗi quốc gia ký kết cần chỉ định một: “Cơ quan trung ương” để nhận yêu cầu gửi đến. Hồ sơ tổng đạt phải được lập hoặc dịch sang ngôn ngữ chính thức hoặc một trong những ngôn ngữ chính của quốc gia được yêu cầu.

Hồ sơ tổng đạt gồm: yêu cầu tổng đạt, tóm tắt tài liệu tổng đạt do cơ quan yêu cầu thực hiện, các tài liệu kèm theo. Yêu cầu tổng đạt và tóm tắt tài liệu tổng đạt phải lập theo mẫu của công ước và là yêu cầu mang tính bắt buộc của công ước.

Yêu cầu tổng đạt phải có đủ những thông tin sau: (i) Tên và địa chỉ của cơ quan yêu cầu tổng đạt, (ii) Tên và địa chỉ của cơ quan được tổng đạt, (iii) Tên và địa chỉ của người được tổng đạt, (v) Phụ lục đính kèm (nếu có) và (vi) Danh mục tài liệu và phụ lục đính kèm theo tổng đạt. Các cơ quan yêu cầu tổng đạt phải điền ngày và ký vào yêu cầu tổng đạt.

Bản tóm tắt tài liệu tổng đạt (“Summary of the document”) được chuyển cho đương sự tổng đạt với mục đích là thông tin ban đầu cho đương sự về bản chất và mục đích của tài liệu. Hơn nữa, bản tóm tắt tài liệu tổng đạt sẽ liệt kê

thời hạn của các tài liệu. Đối với trường hợp tài liệu tư pháp, bản tóm tắt tài liệu tổng đạt này cũng đề cập đến bản chất và mục đích của tố tụng và nếu cần thiết ngày và địa điểm tham dự phiên tòa hoặc bản án, quyết định.

Khi nhận yêu cầu, cơ quan trung ương của nước nhận chuyển cho một cơ quan thẩm quyền quốc gia nhận yêu cầu, thường là Tòa án địa phương nơi cư trú của người được tổng đạt thực hiện. Sau khi yêu cầu tổng đạt được thực hiện, cơ quan trung ương sẽ gửi giấy chứng nhận thực hiện việc tổng đạt cho bên đã yêu cầu thực hiện việc tổng đạt.

Tổng đạt giấy tờ tư pháp từ quốc gia thành viên sẽ không phải chịu một khoản phí thuế hoặc chi phí tổng đạt của quốc gia được yêu cầu. Tuy nhiên, người yêu cầu tổng đạt sẽ phải trả phí tổng đạt trong trường hợp phải thuê nhân viên tư pháp hoặc người có thẩm quyền theo luật quốc gia được yêu cầu hoặc trong trường hợp họ muốn thực hiện một phương thức tổng đạt cụ thể. Chi phí thuê nhân viên tư pháp hoặc người có thẩm quyền khác thực hiện yêu cầu tổng đạt phải là chi phí thực tế và mức hợp lý. Cũng theo công ước, thời gian thực hiện tổng đạt là khá nhanh (khoảng 2 đến 4 tháng), công ước được sử dụng các hình thức tiêu chuẩn hóa nên được công nhận bởi các quốc gia ký kết và trong nhiều trường hợp chi phí tổng đạt theo phương thức này ít hơn, vì việc tổng đạt có thể thực hiện bởi các cơ quan có thẩm quyền của địa phương nước nhận yêu cầu mà không cần thuê một luật sư nước ngoài để tư vấn làm thế nào để thực hiện việc tổng đạt. Ngoài ra, công ước còn quy định các kênh tổng đạt thay thế như sau:

- Tổng đạt trực tiếp cho đương sự ở nước ngoài thông qua ngoại giao, lãnh sự của nước yêu cầu: tổng đạt chỉ được thực hiện theo hình thức này khi đương sự tự nguyện chấp nhận giấy tờ tổng đạt. Các quốc gia có thể không chấp nhận kênh yêu cầu tổng đạt này trong phạm vi lãnh thổ của nước mình, trừ trường hợp tài liệu được tổng đạt cho đương sự mang quốc tịch của nước yêu cầu.

- Tổng đạt tài liệu thông qua cơ quan ngoại giao, lãnh sự của nước yêu cầu gửi cho cơ quan thẩm quyền của nước được yêu cầu: cơ quan có thẩm quyền quốc gia được yêu cầu sau đó, sẽ chuyển tài liệu cho cơ quan có thẩm quyền nước mình thực hiện tổng đạt hoặc tổng đạt trực tiếp cho đương sự có liên quan. Kênh tổng đạt này trên thực tế rất ít quốc gia sử dụng do vẫn phải tuân thủ các yêu cầu về hồ sơ của kênh tổng đạt chính và mất nhiều thời gian hơn so với kênh tổng đạt chính.

- Tổng đạt trực tiếp cho đương sự ở nước ngoài thông qua bưu điện: tổng đạt theo kênh này sẽ bảo đảm được thời gian nhưng không bảo đảm được sự an toàn của việc tổng đạt. Công ước quy định kênh tổng đạt bằng bưu điện được thực hiện nếu việc tổng đạt bằng bưu điện được chấp nhận theo pháp luật của nước yêu cầu và đáp ứng các điều kiện mà pháp luật quy định cho việc tổng đạt bằng bưu điện, đồng thời, nước được yêu cầu không phản đối việc sử dụng tổng đạt này.

- Tổng đạt trực tiếp giữa cán bộ tư pháp hoặc cán bộ có thẩm quyền của nước yêu cầu cho cán bộ tư pháp, cán bộ có thẩm quyền của nước được yêu cầu: việc sử dụng kênh tổng đạt này thường được thực hiện bởi cán bộ tư pháp hoặc cán bộ có thẩm quyền. Trên thực tế, việc sử dụng kênh tổng đạt này chỉ phổ biến ở các nước sử dụng hệ thống thừa phát lại.

- Tổng đạt trực tiếp giữa cá nhân liên quan với quy trình tố tụng cho các cán bộ tư pháp, cán bộ có thẩm quyền của nước được yêu cầu: kênh tổng đạt này cho phép bất kỳ cá nhân nào có liên quan tới quy trình tố tụng thực hiện tổng đạt giấy tờ tư pháp trực tiếp cho cán bộ tư pháp hoặc cán bộ có thẩm quyền của nước được yêu cầu.

- Các kênh tổng đạt khác không được nêu trong Công ước. Trong trường hợp các nước thành viên gia nhập các điều ước quốc tế song phương hoặc đa phương cho phép sử dụng kênh tổng đạt khác với các kênh tổng đạt trong công ước thì công ước cho phép các nước thành viên có quyền lựa chọn kênh tổng đạt đó.

Đối với các kênh tổng đạt thay thế, công ước cho phép các quốc gia thành viên có quyền tuyên bố không chấp nhận các kênh tổng đạt trực tiếp cho đương sự ở nước ngoài thông qua cơ quan ngoại giao, lãnh sự của nước yêu cầu, tổng đạt trực tiếp cho đương sự ở nước ngoài thông qua bưu điện, tổng đạt trực tiếp giữa cán bộ tư pháp hoặc cán bộ có thẩm quyền của nước yêu cầu có cán bộ tư pháp, cán bộ có thẩm quyền của nước yêu cầu tổng đạt trực tiếp giữa cá nhân liên quan tới quy trình tố tụng cho các cán bộ tư pháp, cán bộ có thẩm quyền của nước được yêu cầu.

Bên cạnh các vấn đề của thủ tục tổng đạt giấy tờ thông qua việc xây dựng các kênh tổng đạt được chấp nhận theo quy định của công ước, công ước còn quy định hai nội dung liên quan đến thẩm quyền tố tụng của cơ quan xét xử của quốc gia thành viên, đó là quy định yêu cầu thẩm phán không đưa ra bản án, quyết định cho đến khi việc tổng đạt được thực hiện trong điều kiện và khoảng

thời gian nhất định và gia hạn thêm cho bị đơn ngoài thời hiệu kháng cáo khi đáp ứng một số điều kiện nhất định.

b) Công ước La Hay về miễn hợp pháp hóa giấy tờ công nước ngoài năm 1961:

Công ước La Hay về miễn hợp pháp hóa giấy tờ công nước ngoài được hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế thông qua ngày 5-10-1961, có hiệu lực ngày 24-1-1965, tính đến nay đã có 108 quốc gia thành viên.

Theo quy định của công ước La hay về miễn hợp pháp hóa giấy tờ công nước ngoài, các quốc gia thành viên bãi bỏ thủ tục hợp pháp hóa đối với các giấy tờ công thuộc phạm vi của công ước đem sử dụng tại lãnh thổ của một quốc gia thành viên khác. Để giấy tờ có thể sử dụng tại lãnh thổ của một quốc gia thành viên khác, các giấy tờ đó phải được cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên gốc cấp chứng nhận miễn hợp pháp hóa(“ Apostille ”). Hoạt động này gần giống với việc chứng thực tính hợp lệ của văn bản nhưng phải theo mẫu chống thực thống nhất.

Mục đích của Công ước La Hay về miễn hợp pháp hóa giấy tờ, công nước ngoài là nhằm đơn giản hóa thủ tục chứng nhận tính xác thực của giấy tờ công đem sử dụng ở nước ngoài bằng việc tạo ra quy trình cấp giấy một cửa (“one stop process”) các giấy tờ sau khi được nước gốc cấp chứng thực sẽ được sử dụng trực tiếp tại nước đến mà không cần phải qua thủ tục hợp pháp hóa tại nước đến.

Phạm vi của Công ước La Hay về miễn hợp pháp hóa giấy tờ công nước ngoài khá rộng bao gồm các giấy tờ công là các văn bản tư pháp ,văn bản hành chính ,văn bản công chứng,các bằng cấp chính thức. Công ước không áp dụng đối với các văn bản do cơ quan ngoại giao hoặc lãnh sự ban hành và các văn bản hành chính giải quyết trực tiếp đối với các hoạt động thương mại và hải quan. Do vậy trong quá trình nghiên cứu việc ra nhập Công ước La Hay về miễn hợp pháp hóa giấy tờ công nước ngoài, Việt Nam lưu ý một số vấn đề sau:

- Chỉ định cơ quan có thẩm quyền: Theo quy định của Công ước La Hay về miễn hợp pháp hóa giấy tờ công nước ngoài, các nước gia nhập cần phải thông báo về cơ quan có thẩm quyền cấp “Apostille” vào thời điểm nộp văn bản phê chuẩn. Thông báo phải thông tin chi tiết về cơ quan có thẩm quyền và thẩm quyền của họ. Các quốc gia cần phải nêu rõ số lượng cơ quan có thẩm quyền cấp

“Apostille”. Trong khi hầu hết các quốc gia đã chỉ định cơ quan hiện tại làm cơ quan có thẩm quyền cấp “Apostille” thì có một số quốc gia đã chỉ định cơ quan hoàn toàn mới có thẩm quyền cấp “Apostille”. Một số nước chỉ định một cơ quan trung ương có thẩm quyền cấp “Apostille” là Bộ ngoại giao, Bộ nội vụ hoặc Bộ Tư Pháp trong khi đó một số nước lại chỉ định “Apostille” là nhằm xác định chữ ký, dấu hoặc tem trên giấy tờ công văn năng lực của người ký.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu chữ ký và con dấu của cơ quan thẩm quyền cấp giấy tờ công. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu chữ ký và con dấu cùng với việc duy trì hệ cơ sở dữ liệu đó là rất tốn kém. Hơn thế nữa, theo khuyến cáo của Ban Thường trực hội nghị La Hay thì các nước gia nhập cần phải thiết lập thủ tục rõ ràng nhằm xác định nguồn gốc của giấy tờ công. Việt Nam cũng nên cân nhắc trước về việc sẽ cấp “Apostille” theo hình thức gì: bản giấy hay bản điện tử. Hiện nay đã có 150 cơ quan có thẩm quyền của 21 quốc gia thành viên Công ước đã thực hiện việc cấp “Apostille” điện tử. Lợi ích của việc cấp “Apostille” điện tử sẽ giúp cho việc thực hiện công ước La Hay hiệu quả và toàn hơn hạn chế được việc làm giả giấy tờ.

Việc nghiên cứu ra nhập Công ước về miễn hợp pháp hóa giấy tờ công nước ngoài là rất cần thiết đối với Việt Nam trong tình hình hiện nay. Việc gia nhập công ước sẽ góp phần đơn giản hóa việc lưu thông giấy tờ công, tiết kiệm được thời gian và chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả trong đầu tư nước ngoài và thương mại quốc tế.

Tuy nhiên để có thể gia nhập công ước La Hay về miễn hợp pháp hóa giấy tờ công nước ngoài, Việt Nam cần chuẩn bị những điều kiện pháp lý trong nước, ví dụ: cần có quy định xác định phạm vi giấy tờ công vụ, chuẩn bị hệ thống cơ sở về con dấu, chữ ký của các cơ quan có thẩm quyền.

c) Công ước La Hay về tố tụng dân sự năm 1954:

Công ước La Hay về tố tụng dân sự được hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế thông qua ngày 01-03-1954 và có hiệu lực từ ngày 12-04-1957, hiện có 49 quốc gia thành viên. Đây là công ước liên quan đến việc hỗ trợ giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của các nước thành viên trong lĩnh vực tố tụng dân sự, thương mại liên quan đến việc cung cấp thông tin, tài liệu tư pháp, thậm chí, cả ngoài tư pháp và thực hiện các hoạt động hỗ trợ về tư pháp khác. Bên cạnh đó, Công ước La Hay về tố tụng dân sự năm 1954 cũng quy định việc quốc gia

thành viên có nghĩa vụ trợ giúp pháp lý tại các quốc gia có vấn đề về hành chính, tố tụng, hành chính tư pháp (trích sao hộ tịch) liên quan đến dân sự, thương mại cho công dân của một bên ký kết khác theo nguyên tắc đối xử tương tự như công dân của mình.

Tính đến thời điểm hiện nay, các quốc gia thành viên của Công ước La Hay về tố tụng dân sự năm 1954 chủ yếu gồm những quốc gia Châu Âu, Ôxtraylia, Trung Quốc và Nhật Bản. Đây là những địa bàn mà cá nhân, doanh nghiệp Việt Nam có nhiều quan hệ dân sự thương mại với cá nhân, tổ chức của nước sở tại. Do đó, việc Việt Nam gia nhập Công ước La Hay về tố tụng dân sự năm 1954 là cần thiết để có cơ sở pháp lý quốc tế hỗ trợ, bảo vệ các quan hệ dân sự, thương mại phát sinh giữa công dân Việt Nam và công dân các quốc gia thành viên công ước.

Tuy nhiên, nội dung của Công ước La Hay về tố tụng dân sự năm 1954 bao trùm lên công ước khác của Hội nghị La Hay đó là: (i) Công ước La Hay về tổng đạt ở nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp liên quan đến dân sự, thương mại năm 1965, (ii) Công ước La Hay về thu nhập chứng cứ ở nước ngoài trong vấn đề dân sự, thương mại năm 1970 và (iii) Công ước La Hay về tiếp cận quốc tế công lý năm 1980. Nội dung các công ước này, về cơ bản là bao trùm toàn bộ nội dung của Công ước La Hay về tố tụng dân sự năm 1954 (nội dung về hỗ trợ thu nhập, cung cấp thông tin tư pháp và ngoài tư pháp, thư (văn bản) yêu cầu hỗ trợ cũng như việc đảm bảo các chi phí liên quan đến việc hỗ trợ). Tuy nhiên, so với Công ước La Hay về tố tụng dân sự năm 1954 thì các quy định của ba công ước nêu trên chặt chẽ và chi tiết hơn.

Hiện tại, trong ba công ước: Công ước La Hay về tổng đạt ở nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp liên quan đến dân sự và thương mại năm 1965, Công ước La Hay về thu nhập chứng cứ ở nước ngoài trong vấn đề dân sự, thương mại năm 1970 và Công ước La Hay về tiếp cận quốc tế công lý năm 1980, Việt Nam mới chỉ đang tiến hành thủ tục trong nước để xem xét việc gia nhập Công ước La Hay về tổng đạt ở nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp liên quan đến vấn đề dân sự thương mại năm 1965. Do đó, việc gia nhập Công ước La Hay về tố tụng dân sự năm 1954 cần xem xét tổng thể trong mối quan hệ với Việt Nam có hay không tham gia ba công ước này.

d) Công ước La Hay về công nhận và thi hành các quyết định liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng cho trẻ em năm 1958:

Công ước về công nhận và thi hành các quyết định liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng cho trẻ em được Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế thông qua ngày 15-04-1958, có hiệu lực ngày 01-01-1962, hiện có 20 quốc gia thành viên. Các thành viên của Công ước La Hay về công nhận và thi hành các quyết định liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng cho trẻ em năm 1958 chủ yếu gồm các quốc gia Châu Âu và Trung Quốc. Công ước La Hay về công nhận và thi hành các quyết định liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng cho trẻ em năm 1958 nằm trong nhóm các công ước bảo vệ quyền trẻ em năm 1958 quy định việc công nhận lẫn nhau và cho thi hành tại một quốc gia thành viên các quyết định về cấp dưỡng cho trẻ em của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của các quốc gia thành viên khác của công ước.

Đối với Việt Nam, các quan hệ về cấp dưỡng có yếu tố nước ngoài cho trẻ em dù chưa nhiều, nhưng cũng phát sinh chủ yếu giữa công dân Việt Nam và các nước Đông Âu như: Ba Lan, Cộng hòa Séc, Hunggari.v.v.. Đây là những quốc gia thi hành công ước La Hay về công nhận và thi hành các quyết định liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng cho trẻ em năm 1958. Vì vậy, việc Việt Nam tham gia công ước này sẽ có thêm cơ sở pháp lý trong việc bảo vệ quyền trẻ em từ quan hệ cấp dưỡng phát sinh giữa công dân Việt Nam và công dân của các quốc gia thành viên này.

đ) Công ước La Hay về công nhận và thi hành các quyết định liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng năm 1973:

Công ước La Hay về công nhận và thi hành các quyết định liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng được Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế thông qua vào ngày 02-10-1973 và có hiệu lực từ ngày 01-08-1976, công ước hiện có 24 quốc gia thành viên. Công ước La Hay về công nhận và thi hành các quyết định liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng năm 1973 quy định việc công nhận và cho thi hành lẫn nhau giữa các quốc gia thành viên đối với quyết định của cơ quan tư pháp về hành chính về nghĩa vụ cấp dưỡng phát sinh từ mối quan hệ hôn nhân gia đình hoặc huyết thống, trong đó bao gồm cả nghĩa vụ cấp dưỡng đối với trẻ vị thành niên ngoài giá thú. Trong số quốc gia thành viên của Công ước La Hay về công nhận và thi hành các quyết định liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng năm 1973 có

nhều quốc gia hiện có đông công dân Việt Nam sinh sống và làm việc như: Cộng hòa liên bang Đức, Cộng hòa séc, Ucraina, Xlvakia, Ôxtraylia. Việc Việt Nam gia nhập Công ước La Hay về công nhận và thi hành các quyết định liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng năm 1973 sẽ bảo vệ quyền lợi phát sinh từ quan hệ cấp dưỡng của công dân Việt Nam theo bản án, quyết định của tòa án, cơ quan hành chính các nước thành viên hoặc Tòa án Việt Nam cần được thi hành ở các quốc gia thành viên khác.

e) *Công ước La Hay về thu nhập chứng cứ ở nước ngoài về các vấn đề dân sự, thương mại năm 1970:*

Công ước La Hay về thu nhập chứng cứ ở nước ngoài về các vấn đề dân sự, thương mại được hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế thông qua ngày 18-3-1970, có hiệu lực vào ngày 07-10-1972. Công ước La Hay về thu nhập chứng cứ ở nước ngoài về các vấn đề dân sự, thương mại năm 1970 hiện có 58 quốc gia thành viên. Công ước La Hay về thu nhập chứng cứ ở nước ngoài về các vấn đề dân sự, thương mại năm 1970, quốc gia ký kết trong khuôn khổ quy định pháp luật của mình có thể gửi yêu cầu đến cơ quan có thẩm quyền của một quốc gia ký kết khác để thu nhập bằng chứng, hoặc để thực hiện một hoạt động tư pháp khác.

Để thực hiện việc thu thập chứng cứ, quốc gia ký kết sẽ chỉ định một cơ quan trung ương để nhận được thư yêu cầu gửi đến từ một cơ quan tư pháp của một quốc gia ký kết khác và để chuyển đến cơ quan có thẩm quyền trong nước thực hiện. Mỗi quốc gia sẽ tổ chức cơ quan trung ương phù hợp với pháp luật cả mình. Thư yêu cầu sẽ được gửi đến cơ quan trung ương của quốc gia thực hiện không thông qua bất kỳ cơ quan khác của quốc gia đó. Cơ quan thực hiện yêu cầu là cơ quan tư pháp của quốc gia được yêu cầu.

Thông thường thư yêu cầu phải bằng ngôn ngữ của quốc gia được yêu cầu để thực hiện hay được kèm theo bản dịch sang ngôn ngữ đó. Tuy nhiên, quốc gia thực hiện cũng có thể chấp nhận bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp, hoặc một bản dịch sang một trong những ngôn ngữ này. Việc thực hiện yêu cầu thu nhập chứng cứ là miễn phí và các chi phí gây ra bởi việc sử dụng một thủ tục đặc biệt theo yêu cầu của quốc gia yêu cầu.

4. Tình hình gia nhập công ước đa phương về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại của Việt Nam:

Trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về dân sự, tính đến thời điểm này (1-7-2015) Việt Nam mới tham gia công ước Niu-Ooc năm 1958 về công nhận và cho thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài. Do đó, việc Việt Nam trở thành thành viên của hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế vào ngày 10-4-2013 là bước đi quan trọng của quá trình hội nhập về tư pháp quốc tế nói chung và tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự và thương mại nói riêng. Tuy vậy, cũng cần phải nhận thức rằng, đây chỉ là bước đi ban đầu, đặt nền móng, cơ sở của quá trình tận dụng phát huy ưu thế thành viên của thiết chế đa phương lớn nhất trong lĩnh vực tư pháp quốc tế này. Điều quan trọng hơn trong thời gian tới Việt Nam cần có nghiên cứu đánh giá một cách bài bản, nghiêm túc để lựa chọn gia nhập công ước liên quan đến tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự phù hợp với nhu cầu, điều kiện phát triển trong nước nhằm từng bước hoàn thiện lĩnh vực tư pháp quốc tế. Có như vậy, việc tham gia hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế của Việt Nam mới có hiệu quả, phục vụ cải cách hệ thống pháp luật trong nước và hội nhập quốc tế. Đây cũng là yêu cầu của Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24-5-2005 của Bộ Chính Trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10-4-2013 của Bộ Chính Trị về hội nhập quốc tế.

5. Một số tồn tại trong việc tham gia các điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại:

Trong thời gian qua, đặc biệt sau khi Luật tương trợ tư pháp năm 2007 được ban hành, công tác đàm phán, ký kết điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, thương mại, đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Bên cạnh các hoạt động thúc đẩy tiếp tục ký kết mới hoặc sửa đổi các hiệp định tương trợ tư pháp song phương với các nước mà Việt Nam có nhu cầu lớn về tương trợ tư pháp như: Liên Hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ailen, Hunggari, Ooxtrayla, vv.. các cơ quan nhà nước cũng chủ động, tích cực hơn trong hợp tác quốc tế đa phương về tương trợ tư pháp và cũng đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, góp phần xây dựng nâng cao vai trò, vị trí của Việt Nam trong hoạt động hợp tác về tư pháp quốc tế ở cấp độ khu vực và toàn cầu. Hơn thế nữa, sau khi trở thành thành viên của hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế Việt Nam hiện nay đang tích cực nghiên cứu để gia nhập các công ước có liên quan đến tương

trợ tư pháp trong khuôn khổ hội nghị này. Các điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp được ký kết đã tạo cơ sở pháp lý góp phần tháo gỡ khó khăn và thúc đẩy hoạt động hợp tác trong lĩnh vực tương trợ tư pháp giữa Việt Nam với các quốc gia khác.



TTBD ĐBDC